

Số: /BC-CNTY

Quảng Ngãi, ngày tháng 7 năm 2026

BÁO CÁO

Kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm trong sản xuất kinh doanh nông lâm thủy sản

Căn cứ các Thông tư của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là *Bộ Nông nghiệp và Môi trường*): Số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; số 17/2024/TT-BNNPTNT ngày 28/11/2024 về sửa đổi, bổ sung một số Thông tư quy định thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; số 17/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 về phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản;

Căn cứ Quyết định số 22/2025/QĐ-UBND ngày 27/8/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh Quảng Ngãi;

Thực hiện các Kế hoạch của Ban Chỉ đạo liên ngành an toàn thực phẩm tỉnh: Kế hoạch số 22/KH-UBND ngày 13/02/2026 về bảo đảm an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi năm 2026; Kế hoạch số 47/KHBCĐ ngày 31/3/2026 về triển khai công tác hậu kiểm về an toàn thực phẩm năm 2026;

Thực hiện Kế hoạch số 143/KH-UBND ngày 19/4/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Kế hoạch hành động đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm, gia tăng chế biến và phát triển thị trường nông lâm thủy sản trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi năm 2026;

Thực hiện Công văn số 5903/UBND-NNMT ngày 22/6/2026 của UBND tỉnh tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch hành động đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm, gia tăng chế biến và phát triển thị trường nông lâm thủy sản trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi năm 2026;

Chi cục Chăn nuôi và Thú y ban hành Kế hoạch số 51/KH-CNTY ngày 25/6/2026 của về việc Kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm trong sản xuất kinh doanh nông lâm thủy sản; Quyết định số 67/QĐ-CNTY ngày 29/6/2026 của Chi cục trưởng Chi cục Chăn nuôi và Thú y về việc thành lập Đoàn Kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm trong sản xuất kinh doanh nông lâm thủy sản. Chi cục Chăn nuôi và Thú y tổ chức triển khai thực hiện kết quả đạt được như sau:

1. Nội dung, phương pháp, hình thức, đối tượng và thời gian triển khai thực hiện:

1.1. Nội dung, đối tượng:

- Đối với cơ sở chăn nuôi: Đánh giá 10 nhóm chỉ tiêu gồm: Địa điểm sản xuất; kết cấu, bố trí trại nuôi; con giống; thức ăn; thuốc thú y, chất kích thích tăng trưởng, tăng trọng, sinh trưởng...; vật nuôi; phòng, chống động vật gây hại; vệ sinh chuồng trại và xử lý chất thải, nước thải; nước uống, nước cấp, thiết bị chăn nuôi; người trực tiếp sản xuất, vệ sinh công nhân; ghi chép, truy xuất nguồn gốc (*theo Mẫu BB 1.2 Cơ sở sản xuất ban đầu thực phẩm có nguồn gốc động vật trên cạn Ban hành kèm theo Thông tư 17/2024/TT-BNNPTNT ngày 28/11/2024 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc sửa đổi, bổ sung một số Thông tư quy định thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*);

- Đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản: Đánh giá 08 nhóm chỉ tiêu gồm: Địa điểm sản xuất; kết cấu, bố trí ... *theo Mẫu BB 2.5. Cơ sở sản xuất ban đầu thực phẩm có nguồn gốc động vật trên cạn Ban hành kèm theo Thông tư 17/2024/TT-BNNPTNT ngày 28/11/2024*);

- Đối với các cơ sở chăn nuôi; kinh doanh động vật, sản phẩm động vật: kiểm tra việc sử dụng thuốc thú y, vắc xin, thức ăn chăn nuôi như: Hồ sơ, nguồn gốc hóa đơn, chứng từ, nhãn mác (*thành phần, ngày sản xuất, hạn sử dụng*); đối chiếu với danh mục thức ăn được phép lưu hành tại Việt Nam; điều kiện bảo quản; kiểm tra chất lượng thực tế: có tủ/kho thuốc riêng biệt, thoáng mát, đúng nhiệt độ quy định; thuốc hết hạn hoặc không còn nhãn mác phải được loại bỏ; không sử dụng thuốc cấm hoặc ngoài danh mục.

1.2. Phương pháp kiểm tra: Xem xét, đánh giá hồ sơ, tài liệu, hiện trạng điều kiện an toàn thực phẩm, phỏng vấn các đối tượng liên quan.

1.3. Đối tượng áp dụng: 13 cơ sở chăn nuôi, kinh doanh động vật, sản phẩm động vật trên địa bàn tỉnh (*Trong đó có 12 cơ sở chăn nuôi và 01 cơ sở kinh doanh sản phẩm động vật*).

1.4. Thời gian thực hiện: Từ ngày 30/6/2026 đến 07/7/2026.

2. Kết quả thực hiện:

2.1. Số xã, phường thực hiện: 08/09 xã, phường (*Xã Kon Braih, phường Đăk Cấm, phường Kon Tum, xã Sa Loong, xã Dục Nông, xã Đăk Tờ Kan, xã Đăk Rơ Wa, xã Đăk Hà*).

2.2. Tổng số cơ sở trong đợt kiểm tra an toàn thực phẩm: 12 cơ sở (*Xã Kon Braih 01 cơ sở, phường Đăk Cấm 03 cơ sở, phường Kon Tum 01 cơ sở, xã Sa Loong 02 cơ sở, xã Dục Nông 03 cơ sở, xã Đăk Tờ Kan 01 cơ sở, xã Đăk Rơ Wa 01 cơ sở, xã Đăk Hà 01 cơ sở*)

2.3. Số cơ sở không thực hiện kiểm tra: 01/13 cơ sở. Nguyên nhân: Chủ cơ sở đã xuất bán hết vật nuôi và gia đình có việc riêng tại phường Quy Nhơn (*tỉnh Gia Lai*) nên không sắp xếp được người có trách nhiệm làm việc.

2.4. Số cơ sở kiểm tra an toàn thực phẩm: 12/12 cơ sở (*Xã Kon Braih 01 cơ sở, phường Đăk Cấm 03 cơ sở, phường Kon Tum 01 cơ sở, xã Sa Loong 02 cơ sở, xã Dục Nông 03 cơ sở, xã Đăk Tờ Kan 01 cơ sở, xã Đăk Rơ Wa 01 cơ sở, xã Đăk Hà 01 cơ sở*)

- Kết quả đánh giá đạt: 12/12 cơ sở;
- Kết quả đánh giá không đạt: 0/12 cơ sở;

+ Đối với 11 cơ sở chăn nuôi, đánh giá 10 nhóm chỉ tiêu như: 1) Địa điểm sản xuất 11/11 cơ sở đạt nhóm chỉ tiêu trên (*tuy nhiên có 01 cơ sở có Giấy đăng ký kinh doanh nhưng chưa đúng với địa điểm sản xuất*); 2) Kết cấu, bố trí trại nuôi 11/11 cơ sở đạt nhóm chỉ tiêu trên; 3) Con giống 11/11 cơ sở đạt nhóm chỉ tiêu trên; 4) Thức ăn 11/11 cơ sở đạt nhóm chỉ tiêu trên; 5) Thuốc thú y, chất kích thích tăng trưởng, tăng trọng, sinh trưởng... 11/11 cơ sở đạt nhóm chỉ tiêu trên; 6) Vật nuôi 11/11 cơ sở đạt nhóm chỉ tiêu trên; 7) Phòng, chống động vật gây hại; vệ sinh chuồng trại và xử lý chất thải, nước thải 7/11 cơ sở đạt nhóm chỉ tiêu; 8) Nước uống, nước cấp, thiết bị chăn nuôi 7/11 cơ sở đạt nhóm chỉ tiêu; 9) Người trực tiếp sản xuất, vệ sinh công nhân 8/11 cơ sở đạt nhóm chỉ tiêu; 10) Ghi chép, truy xuất nguồn gốc 9/11 cơ sở đạt nhóm chỉ tiêu;

+ Đối với 01 cơ sở kinh doanh sản phẩm động vật, đánh giá 08 nhóm chỉ tiêu đạt 08/08 nhóm chỉ tiêu (*Địa điểm kinh doanh; kết cấu, bố trí cơ sở kinh doanh; trang thiết bị, dụng cụ phục vụ kinh doanh; thực phẩm kinh doanh; các yếu tố đầu vào phục vụ SXKD thực phẩm; phòng, chống động vật gây hại và xử lý chất thải, nước thải; người trực tiếp bán hàng; bao gói, bảo quản, vận chuyển*).

Đối với các cơ sở chăn nuôi tại thời điểm kiểm tra: tuân thủ việc sử dụng các loại thuốc thú y, thức ăn, vắc xin có trong Danh mục được phép lưu hành; còn nhãn mác hàng hóa; hạn sử dụng đạt yêu cầu; có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng, hàng hóa có chứng từ, phiếu xuất kho được lưu giữ tại cơ sở.

Đối với các cơ sở kinh doanh sản phẩm động vật tại thời điểm kiểm tra: chủ yếu từ các mặt hàng như trứng gà, thịt heo, thịt gia cầm, qua kiểm tra các sản phẩm này còn hạn sử dụng; có hóa đơn, chứng từ nhập hàng; có giấy chứng nhận kiểm dịch vận chuyển từ các tỉnh.

3. Nhận xét, đánh giá:

3.1. Ưu điểm:

- Các cơ sở chấp hành tốt Quyết định số 67/QĐ-CNTY ngày 29 tháng 6 năm 2026 của Chi cục trưởng Chi cục Chăn nuôi và Thú y thành lập Đoàn Kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm trong sản xuất kinh doanh nông lâm thủy sản;

- Bố trí người có trách nhiệm chuẩn bị đầy đủ nội dung báo cáo, làm việc Đoàn kiểm tra. Chấp hành và duy trì các quy định của pháp luật về điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý. Đối với các cơ sở kinh doanh động vật, sản phẩm động vật đều tuân thủ việc sử dụng các loại thuốc thú y, thức ăn, vắc xin có trong Danh mục được phép lưu hành; còn nhãn mác hàng hóa; hạn sử dụng đạt yêu cầu;

- Các cơ sở có địa điểm chăn nuôi được chính quyền địa phương cho phép; các cơ sở đều có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh về chăn nuôi; các cơ sở chăn

nuôi đều hệ thống Biogas để xử lý chất thải; lập sổ sách theo dõi, ghi chép theo quy định của Công ty hợp đồng cơ sở chăn nuôi gia công; thực hiện phương thức chăn nuôi cùng ra, cùng vào; con giống gia súc, gia cầm nhập vào có giấy chứng nhận kiểm dịch vận chuyển, sản phẩm xuất ra có giám sát của cơ quan chức năng;

- Người sản xuất, kinh doanh cơ bản nắm bắt được các chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước quy định an toàn thực phẩm trong tình hình mới, chấp hành tốt các quy định pháp luật trong sản xuất chăn nuôi.

3.2. Những sai lỗi cần khắc phục:

- Biện pháp phòng chống động vật gây hại chưa được cơ sở chú trọng trong sản xuất chăn nuôi, nhiều cơ sở có thực hiện nhưng chưa hiệu quả; có lập sổ sách ghi chép, theo dõi nhưng ghi các nội dung chưa đầy đủ;

- Về sổ sách ghi chép theo dõi, truy xuất nguồn gốc sản phẩm: tại các cơ sở chăn nuôi đều có lập sổ sách ghi chép nhưng vẫn chưa đáp ứng đầy đủ thông tin yêu cầu theo quy định;

- Kết quả xét nghiệm nước uống cho vật nuôi đã hết hạn, hoặc gần hết hạn; một số cơ sở đã gửi mẫu xét nghiệm đang chờ kết quả (*tại thời điểm kiểm tra các cơ sở có xuất trình giấy hẹn trả kết quả xét nghiệm mẫu nước*).

3.3. Đề xuất, kiến nghị:

- Yêu cầu chủ cơ sở tiếp tục khắc phục những sai lỗi nêu trong biên bản;

- Tiếp tục kiểm tra đánh an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất ban đầu có nguồn gốc động vật trên cạn nhằm giám sát việc khắc phục sai lỗi và duy trì điều kiện đảm bảo điều kiện ATTP của cơ sở;

- Thực hiện lồng ghép việc kiểm tra gian lận thương mại, hàng giả, hàng kém chất lượng vào các đợt kiểm tra thường xuyên của cơ quan, đơn vị;

- Triển khai thực hiện công tác quản lý, kiểm tra ATTP trong sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Chi cục Chăn nuôi và Thú y Quảng Ngãi;

- Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho các cá nhân, tổ chức liên quan đến điều kiện ATTP đối với cơ sở sản xuất ban đầu có nguồn gốc động vật trên cạn.

Trên đây là Báo cáo kết quả thực hiện kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm trong sản xuất kinh doanh nông lâm thủy sản./.

Nơi nhận:

- Sở Nông nghiệp và Môi trường (Báo cáo);
- Chi cục TTBVTV&QLCL;
- Lãnh đạo Chi cục;
- Các phòng, trạm thuộc Chi cục;
- Lưu: VT, P.CN.

**KT. CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**

Bùi Đông Ba

